

Số: 53/QĐ-LKIA

Lâm Đồng, ngày 11 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành giá một số dịch vụ hàng không và dịch vụ phi hàng không
tại Cảng hàng không quốc tế Liên Khương

GIÁM ĐỐC CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ LIÊN KHƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 115/QĐ-HĐQT ngày 26/04/2019 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP;

Quyết định số 406/QĐ-HĐQT ngày 12/09/2024 của Hội đồng quản trị TCT Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc đổi tên chi nhánh và Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Cảng hàng không quốc tế Liên Khương;

Căn cứ Quyết định 948/QĐ-TCTCHKVN ngày 28/02/2025 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc Ban hành mức giá dịch vụ hàng không và phi hàng không năm 2025 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Liên Khương;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng giá một số dịch vụ hàng không và phi hàng không tại Cảng hàng không quốc tế Liên Khương (Bảng giá đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký thay thế cho Quyết định số 494/QĐ-LKA ngày 28/09/2021.

Điều 3: Các phòng trực thuộc Cảng HKQT Liên Khương và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban KDPTTT TCT (để b/c);
- Lưu VT.



Vũ Phạm Nguyên An



BẢNG GIÁ MỘT SỐ DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG VÀ PHI HÀNG KHÔNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ LIÊN KHƯƠNG

TT	Danh mục dịch vụ phi hàng không phát sinh tại cảng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND) chưa bao gồm thuế VAT
1	Dịch vụ cho thuê trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin và viễn thông		
1.1	Dịch vụ cho thuê trang thiết bị đầu cuối và thông tin liên lạc:		
	Cho thuê màn hình	Màn hình/tháng	2,775,000
	Cài đặt, sửa đổi hiển thị thông tin	Lần	250,000
1.2	Dịch vụ Cho thuê hạ tầng cáp quang, cáp đồng;		
	Lắp đặt ban đầu	Đôi cáp/Lần	4,000,000
	Dịch vụ bảo trì Đảm bảo kỹ thuật cho tuyến cáp.	Đôi cáp/tháng	500,000
1.3	Dịch vụ cung cấp thông tin dữ liệu chuyển bay tại nhà ga Cảng hàng không.	Lần/chuyển bay	160,000
1.4	Dịch vụ bộ đàm kỹ thuật số		
	Dịch vụ cho thuê kênh của hệ thống bộ đàm kỹ thuật số.	Kênh/năm	3,410,000
	Dịch vụ cho thuê bộ đàm kỹ thuật số.	Cái/tháng	750,000
1.5	Dịch vụ lắp đặt, đấu thêm máy điện thoại cố định (không bao gồm thiết bị đầu cuối)	Thuê bao/lần	500,000
1.6	Thuê bao cố định, cước gọi nội bộ	Thuê bao/tháng	24,200
1.7	Lắp đặt đường truyền Internet trên: - Cáp đồng/cáp thông thường - Cáp quang	Đường truyền/lần	2,000,000 4,000,000
1.8	Dịch vụ đảm bảo internet	Đường truyền/tháng	100,000
2	Dịch vụ cung cấp tiện ích cơ bản		
2.1	Dịch vụ cung cấp nước (nước sinh hoạt)	VND/m3	Theo mức giá nước sinh hoạt tại địa phương + 10% CP quản lý
2.2	Dịch vụ cung cấp điện	VND/Kwh	Căn cứ giá điện mua vào của giá điện kinh doanh trong khung giờ cao điểm của Bộ Công Thương

3	Dịch vụ hỗ trợ hành khách đi tàu bay		
3.1	Dịch vụ giữ hành lý (locker room).		
	- Dưới 10 giờ	Kiện/giờ	20,900
	- Từ 10 đến 24 giờ	Kiện	209,000
	- Trên 24 giờ	Ngày/Kiện	209,000
3.2	Dịch vụ hỗ trợ đón khách tại quầy thông tin		
	- Mức giá cơ bản (từ 01 đến 03 khách)	Lượt	325,000
	- Từ khách thứ 04 đến 11	Lượt	575,000
	- Khách thứ 12 trở đi	Khách	50,000
3.3a	Dịch vụ phục vụ quầy làm thủ tục khách hạng thương gia (xếp cộc...) chuyển bay quốc tế.	USD/ Chuyển bay	10
3.3b	Dịch vụ phục vụ quầy làm thủ tục khách hạng thương gia (xếp cộc...) chuyển bay quốc nội.	Chuyển bay	210,000
3.4	Dịch vụ ưu tiên qua cửa kiểm soát an ninh đối với hành khách lên tàu bay	Khách	200,000
3.5	Dịch vụ Kiểm tra kích thước và khối lượng HLXT của hành khách trước khi lên máy bay	Chuyển bay	420,000
4	Dịch vụ nhà ga		
4.1	Dịch vụ bảo trì xe đẩy.	Xe	83,375
4.2	Dịch vụ kiểm soát hoạt động phát tờ rơi (kiểm duyệt nội dung và hình thức tổ chức).	Giờ/vị trí	625,000
4.3	Dịch vụ quay phim; Dẫn đoàn quay phim, tham quan		
	- Đoàn dưới 5 người	Giờ/vị trí	250,000
	- Đoàn từ 6 - 20 người.	Giờ/vị trí	500,000
	- Đoàn trên 20 người.	Giờ/vị trí	Thỏa thuận
4.4	Dịch vụ an ninh trật tự (Bảo đảm an ninh trật tự xung quanh khu vực cho thuê mặt bằng).	m2/tháng	100,000

4.5	Cho thuê vị trí làm thủ tục (Không đủ tiêu chuẩn nội dung dịch vụ cho thuê quầy thủ tục được quy định tại Thông tư 53). (*)	Quầy/chuyến bay	150,000
5	<i>Dịch vụ cung cấp, hỗ trợ hoạt động vận chuyển</i>		
5.1	Dịch vụ kiểm tra giám sát, hướng dẫn phương tiện vào khu vực hạn chế đón khách.	Phương tiện	30,000
5.2	Dịch vụ cho thuê xe chở cán bộ công nhân viên đi kiểm tra bảo dưỡng sửa chữa tại trạm khí tượng (quản lý bay).	Lượt đi và về	400,000
6	<i>Dịch vụ y tế</i>		
6.1	Dịch vụ phục vụ cấp cứu, cho thuê xe cứu thương		
	- Lộ trình dưới 15km	Xe/Lượt	440,000
	- Lộ trình từ 16km - 50km	Xe/Lượt	750,000
	- Lộ trình trên 50km	Xe/Lượt	Thoả thuận
6.2	Phục vụ cấp cứu, hỗ trợ y tế:		
	- Sơ cứu tại chỗ;	Lần/khách	100,000
	- Cấp cứu và chuyển đi bệnh viện Đức Trọng.	VND/Lượt	440,000
7	<i>Dịch vụ tàu bay</i>		
7.1	Dịch vụ xử lý chất thải lỏng từ tàu bay;	Chuyến bay	660,000
7.2	Dịch vụ thu gom rác thải chuyến bay quốc nội đến điểm tập kết;	VNĐ/ Chuyến bay	165,000
7.3	Dịch vụ thu gom rác thải chuyến bay quốc tế đến điểm tập kết;	USD/ Chuyến bay	10
8	<i>Dịch vụ vệ sinh, xử lý chất thải, rác thải</i>		
8.1	Dịch vụ thu gom, xử lý chất thải, vận chuyển rác thải của dịch vụ kinh doanh tại nhà ga, bên ngoài nhà ga.	Vị trí KD/tháng	3,600,000
8.2	Dịch vụ xử lý chất thải;	VND/m3	253,000
9	<i>Dịch vụ cho thuê mặt bằng/vị trí</i>		
9.1	Dịch vụ cho thuê mặt bằng đặt máy ATM tại khu vực ngoài nhà ga.	VND/vị trí/tháng	1,200,000

9.2	Dịch vụ cho thuê vị trí mặt bằng quay phim, chụp ảnh và tổ chức thực hiện chương trình.		
	Ngoài khu vực cách ly	Vị trí/giờ	1,000,000
	Trong khu vực cách ly	Vị trí/giờ	1,200,000
	Ngoài khu vực cách ly	Vị trí/ngày	10,000,000
	Trong khu vực cách ly	Vị trí/ngày	12,000,000
10	Dịch vụ bến bãi		
10.1	Cho thuê vị trí đậu xe ô tô đón khách tại làn đường ưu tiên số 02 ga đến CHKQT Liên Khương (<i>Áp dụng cho xe đón khách không kinh doanh vận tải như: Xe khách sạn, xe khu du lịch... luân phiên đón khách tại các vị trí quy định khi có chuyến bay hạ cánh</i>).	Xe/tháng	3,000,000